Ngày soạn: 13/11/2020

Ngày dạy: 16/11/2020

Môn: Tiếng việt

Tiết: 93,94

Bài 52 um up

(2 tiết)

1. **MỤC TIÊU**

* Nhận biết các vần **um, up;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **um, up.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **um,** vần **up.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Bà và Hà.*
* Viết đúng các vần **um, up** và các tiếng **chum, búp** (bê) (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**
2. **Giáo viên:**4 thẻ viết từ ngữ ở BT đọc hiểu.
3. **Học sinh:** Bộ đồ dùng thực hành TV
4. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 1** | |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
|  |  |
| 1. **Khởi động (3 phút)**   **Ổn định: Hát**  **Giới thiệu bài:** vần **um,** vần **up.** |  |
| 1. **Hoạt động cơ bản (32 phút)**   **Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)   * 1. Dạy vần **um** * HS đọc từng chữ **u, m,** vần **um.** * Phân tích vần **um.** * Đánh vần: **u - mờ - um /**   **um.**   * HS nói: chum. / Phân tích tiếng **chum.** * Đánh vần: **chờ - um - chum / chum.** * Đánh vần, đọc trơn lại: **u - mờ - um / chờ - um - chum / chum.** * GV giới thiệu cái chum   1. Dạy vần **up** (như vần **um)** * HS đọc từng chữ **u, p,** vần **um.** * Phân tích vần **up.** * Đánh vần: **u - bờ - up /**   **um.**   * HS nói: chum. / Phân tích tiếng **búp.** * Đánh vần: **bờ - up – bup- sắc búp / búp** * Đánh vần, đọc trơn lại **bờ - up – bup- sắc búp / búp** * GV giới thiệu búp bê   \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **um, up,** 2 tiếng mới học: **chum, búp.** | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS nói  - Tiếng chum gồm có âm ch đứng trước vần um đứng sau  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS thực hiện  -HS nói và phân tích |
| **Hoạt động 2: Luyện tập** |  |
| **2.1.Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **um?** Tiếng nào có vần **up?)**  - HS (cá nhân, cả lớp) đọc từng từ ngữ dưới hình: *chùm nho, cúp, tôm hùm,...*  - GV giải nghĩa: *cúp* (đồ mĩ nghệ, dùng làm giải thưởng trong thi đấu thế thao); *mũm mĩm* (béo và tròn trĩnh, trông thích mắt).  - HS tìm tiếng có vần **um,** vần **up,** nói kết quả.  - GV chỉ từng từ , Cả lớp: Tiếng **chùm** (nho) có vần **um.** Tiếng **cúp** có vần **up,...**  - HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần **um** (chụm, cúm, khum, trùm, xúm,...); vần **up** (chụp, đúp, húp, núp,...).  2.2.**Tập viết** (bảng con - BT 4)  a)Cả lớp nhìn bảng đọc các vần, tiếng: **um, up, chum, búp bê.**  b)Viết vần: **um, up**   * GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn. Chú ý chiều cao các con chữ (2 li), nối nét giữa **u** và **m. /** Làm tương tự với van **up (p** cao 4 li). * HS viết: **um, up** (2 lần)  1. Viết: **chum, búp** (bê) (tương tự như b)  * GV viết mẫu, hướng dẫn: Viết **ch** trước **(h** cao 5 li), vần **um** sau. / Viết chữ **b** (cao 5 li), van up sau, dấu sắc đặt trên u.   -GV cùng HS nhận xét | -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS đọc  -HS tìm, nêu kết quả  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con  -HS viết: **chum, búp** (bê). |
| **Tiết 2 (32 phút)** | |
| **2.3. Tập đọc** (BT 3)   1. GV giới thiệu bài *Bà và Hà* kể về bạn Hà chăm chỉ giúp bà làm nhiều việc. 2. GV đọc mẫu. Sau đó, hỏi: *Bà nói: “Hà của bà ngộ quá! Em hiểu “ngộ quá ” là thế nào?* 3. Luyện đọc từ ngữ: 4. **.** GV giải nghĩa: *tủm tỉm* (cười không mở miệng, chỉ cử động đôi môi một cách kín đáo). 5. Luyện đọc câu: GV: Bài có 6 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ.  * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân / từng cặp). * HS tìm, đọc tiếng trong bài có vần **um:** *um tùm, tủm* (tỉm); **up:** *giúp, búp* (bê).  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mồi đoạn 3 câu); thi đọc cả bài. (Quy trình đã hướng dẫn),   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC; chỉ từng từ ngữ cho cả lớp đọc. * HS làm bài trên VBT. /1 HS nói kết quả (GV giúp HS ghép từ ngữ trên bảng lớp). / Cả lớp đọc lại: a - 2) *Hà chăm chỉ giúp bà. /* b - 1) *Bà ngắm Hà, tủm tỉm.* * GV: *Những việc làm nào của Hà cho thấy Hà rất chăm chỉ?* * GV: Qua bài đọc, em thấy bạn Hà có đức tính gì đáng quý? | -HS lắng nghe  -Nom Hà rất hay, ngộ nghĩnh và đáng yêu.  - Hs luyện đọc **chăm chỉ, giúp, xếp đồ, um tùm, chữa mũ, búp bê, ngắm, chăm chú, tủm tỉm, ngộ quá**  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  - Hà giúp bà xếp đồ ở tủ, nhổ đám cỏ um tùm ở ngõ, giúp bà xâu kim.  - Hà chăm chỉ, ngoan ngoãn giúp bà làm nhiều việc trong nhà để bà đỡ vất vả). |
| **3/Củng cố, nối tiếp(3 phút)**  Đọc lại bài  GV dặn HS về nhà xem trước bài 53 (uôm).  Nhận xét tiết học |  |

Ngày soạn: 13/11/2020

Ngày dạy: 16/11/2020

Môn: Toán

Tiết: 31

Bài 25. PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6

(2 Tiết)

**I. MỤC TIÊU**

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một sổ tình huống gắn với thực tế.

- Phát triến các NL toán học:NL giải quyết vấn đề, toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

2. Học sinh

- Bộ đồ dùng học Toán

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1 Khởi động (3 phút)  Ổn định: Hát | HS thực hiện lần lượt các hoạt động (theo cặp hoặc nhóm bàn): |
|  | *Quan sát* bức tranh trong SGK.*- Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép trừ. chăng hạn: |
| + Có 4 cái bánh. An ăn 1 cái bánh. Còn lại bao nhiêu cái bánh?  Đếm rồi nói: Còn 3 cái bánh.  + Ngồi quanh bàn có 5 bạn, 2 bạn đã rời khỏi bàn. Còn lại bao nhiêu bạn? |  |
| Đếm rồi nói: Còn lại 3 bạn đang ngồi quanh bàn. |  |
| - Làm tương tự với tình huống: Có 5 cốc nước cam. Đã uống hết 3 cốc. Còn lại 2 cốc chưa uống. | Chia sẻ trước lóp: đại diện một số bàn, đứng tại chỗ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép trừ mà mình quan sát được. |
| 1. Hoạt động cơ bản (30 phút)   Hoạt động 1: hình thành kiến thức  1.GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau: | HS *quan sát* tranh vẽ “chim bay” trong khung kiến thức. |
|  | HS nói: Có 6 con chim - Lấy ra 6 chấm tròn.  Có 4 con bay đi - Lấy đi 4 chấm tròn. |
| Để biết còn lại bao nhiêu con chim (hay chấm tròn) ta thực hiện phép trừ 6 - 4. | HS nói: 6 - 4 = 2. |
| 2. Cho HS thực hiện tương tự với tình huống “cốc nước cam” và nói kết quả phép trừ 5 - 3 = 2. |  |
| \*.GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mầu câu khi nói: *Có... Bay đi... (hoặc đã uống hết) Còn...* |  |
| \*.Củng cố kiến thức mới:  - GV nêu một sổ tình huống khác. HS đặt phép trừ tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép trừ theo cách vừa học rồi gài kết quà vào thanh gài. | - HS đặt phép trừ tương ứng. |
| - Cho HS tự nêu tình huống tương tự rồi đố nhau đưa ra phép trà (làm theo nhóm bàn). | - HS thực hiện |
| ***Lưu ý:*** Ngoài việc dùng các chấm tròn, HS có thể dùng ngón tay, que tính hoặc đồ vật khác để hồ trợ các em tính ra kết quả. Tuỳ theo đối tượng HS và điều kiện thực tế, GV có thê khuyến khích HS suy nghĩ, chẳng hạn: Để tìm kết quả phép tính, không dùng các chấm tròn mà hãy tưởng tượng trong đầu để tìm kết quả |  |
|  |  |
| 3..Củng cố, nối tiếp (2 phút)  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? |  |
| - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Nhận xét tiết học, tuyên dương |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

Ngày soạn: 14/11/2020

Ngày dạy: 17/11/2020

Môn: Tiếng việt

Tiết: 95,96

**Bài 53**uôm (2 tiết)

1. **MỤC TIÊU**

* Nhận biết vần **uôm;** đánh vần, đọc đúng tiếng có vần **uôm.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **uôm.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Quạ và chó.*
* Viết đúng các vần **uôm** và các tiểng **buồm,** (quả) **muỗm** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**
2. **Giáo viên:** 4 thẻ viết từ ngữ ở BT đọc hiểu.
3. **Học sinh:** Bộ đồ dùng thực hành TV
4. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **Tiết 1** | | | |
| 1. **Khởi động (3 phút)**   Ổn định: Hát  Giới thiệu bài: uôm | | | - Hs trả bài cũ |
| 1. **Hoạt động cơ bản (32 phút)** | | |  |
| **Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)   * HS nhận biết: **uô, m;** đọc: **uôm.** * Phân tích vần **uôm.** * Đánh vần: **uô - mờ - uôm** */* **uôm.** * HS nói: *buồm.* / Phân tích tiếng **buồm.** Đánh vần: bờ - uôm - buôm - huyền - buồm / buồm. * Đánh vần, đọc trơn: uô - mờ - uôm / bờ - uôm - buôm - huyền - buồm / buồm.   \* Củng cố: HS nói vần mới học: **uôm,** tiếng mới học: **buồm.** | | | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS nói  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS nói |
| **Hoạt động 2: Luyện tập** | | |  |
| * 1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **uôm?** Tiếng nào có vần **um?)** * GV chỉ từng từ. * Giải nghĩa: *quả muôm* (quả giống xoài nhưng nhỏ hơn, có vị chua); *sum họp* (tụ họp ở một chỗ một cách vui vẻ); *um tùm* (cây cối rậm rạp, dày đặc - *cây cối um tùm* trái nghĩa với *thưa thớt), nhuộm* (làm cho màu thấm đều vào vải và được giữ lại). * HS tìm tiếng có vần *uôm,* vần *um.* GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng (quả) **muỗm** có vần **uôm...** Tiếng **sum** có vần **um,...** * HS tìm tiếng ngoài bài có vần **uôm.**   1. **Tập viết** (bảng con - BT 4) * HS nhìn bảng đọc các vần, tiếng: *uôm, buồm, quả muôm.* * 1 HS đọc, nói cách viết vần **uôm.**   HS viết bảng con vần: *uôm (2* lần).   * 1 HS đọc, nói cách viết chữ ghi tiếng: **buồm** (viết **b** trước - cao 5 li, vần **uôm** sau, dấu huyền đặt trên **ô) / muỗm** (viết **m** trước, vần **uôm** sau, dấu ngã đặt trên **ô).** * GV vừa viết vần **uôm** vừa hướng dẫn: viết **uô** trước, viết **m** sau; các con chữ đều cao 2 li. * HS viết ở bảng con * GV cùng HS nhận xét | | | -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS đọc  -HS tìm, nêu kết quả  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con |
| **Tiết 2 (32 phút)** | | | |
| **1.3. Tập đọc** (BT 3)  a) - GV chỉ hình minh hoạ, hỏi: Quan sát tranh, các em thấy gì?  **-** GV: Quạ đang ngậm trong mỏ một khổ (miếng) mỡ to. Nó nhìn xuống một chú chó dưới mỏm đá. Chó nhìn quạ. Không rõ chúng nói với nhau những gì. Các em hãy lắng nghe câu chuyện.   1. GV đọc mẫu. 2. Luyện đọc từ ngữ: **mỏm đá, ngậm khổ mỡ, nghĩ kế, cuỗm, giả vờ, mê li lắm, há to mỏ, bộp, nằm kề mõm chó, tợp.** 3. Luyện đọc câu  * GV: Bài đọc có 9 câu. * GV chỉ từng câu, yêu cầu HS đọc vỡ. Chỉ liền 2 câu: “A, ca sĩ ... mê li lắm”. / —Quạ há to mỏ: Quà, quà...” * Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn) (vài lượt).   e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (5 câu / 4 câu); thi đọc cả bài.  g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC; chỉ từng từ ngữ cho HS đọc. * HS làm bài trong VBT. 1 HS làm bài nối ghép trên bảng lớp, đọc kết quả. Cả lớp đọc: a - 2) *Quạ ngậm khổ mỡ ở mỏ.* b - 1) *Chó nghĩ kế để quạ há mỏ ra.* * GV: Chó và quạ, ai khôn, ai ngốc? | | - Quạ đen đang ngậm một miếng mồi. Dưới mỏm đá có một chú chó đang nhìn lên quạ.   * Hs luyện đọc * HS đọc * HS đọc nối tiếp câu * Thi đọc * HS lắng nghe * HS làm vào vở BT * Chó khôn, quạ ngốc. Chó ở dưới đất mà lấy được miếng mỡ từ mỏ quạ ở trên cao. Quạ ngốc, ưa nịnh đã mắc mưu chó). | |
| 3.**Củng cố, nối tiếp** (2 phút)  Hôm nay chúng ta học vần gì?  Đọc lại toàn bài  GV dặn HS về nhà xem trước bài 54 (ươm, ươp).  Nhận xét, tuyên dương | | | |

Ngày soạn: 14/11/2020

Ngày dạy: 17/11/2020

Môn: Tự nhiên và xã hội

Tiết:21

**BÀI 6. NƠI EM SỐNG ( 3 tiết )**

**I.MỤC TIÊU**

**\*Về nhận thức khoa học:**

- Giới thiệu được một cách đơn giản về quang cảnh làng xóm , đường phố và hoạt động của người dân nơi HS đang sống . của công việc đó cho xã hội .

- Nêu được một số công việc của người dân trong cộng đồng và đóng góp

- Nhận biết được bất kì công việc nào đem lại lợi ích cho cộng đồng đều đáng quý .

**\*Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Biết cách quan sát và cách đặt câu hỏi khi quan sát các hình trong bài học để phát hiện ra cảnh quan tự nhiên , vị trí của một số nơi quan trọng ở cộng đồng .

- Sử dụng được những từ phù hợp để mô tả nội dung của các hình trong bài học , qua đó nhận biết được các hoạt động sinh sống của người dân trong cộng đồng .

**\*Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

-Nêu và thực hiện được một số việc HS có thể làm để đóng góp cho cộng đồng địa phương .

-Bày tỏ được sự gắn bó , tình cảm của bản thân với làng xóm hoặc khu phố của mình .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên:

- Các hình trong SGK .

- VBT Tự nhiên và Xã hội 1 ,

- Video clip bài hát Quê hương tươi đẹp ( dân ca Nùng ) .

- Yêu cầu HS sưu tầm một số hình ảnh về quang cảnh và hoạt động của người dân ở nơi sống của mình ( nếu có điều kiện ) .

2. Học sinh: Vở BT TNXH 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Tiết 3. **Con người nơi em sống** | |
| 1. Khởi động (2 phút)   Ổn định: hát   1. Hoạt động cơ bản (30 phút)   Hoạt động 5: Tìm hiểu về công việc của người dân và đóng góp của công việc đó cho cộng đồng nơi em sống  \* Mục tiêu  - Nêu được một số công việc của người dân trong cộng đồng và đóng góp của công việc đó cho xã hội .  - Nhận biết được bất kì công việc nào đem lại lợi ích cho cộng đồng , xã hội đều đáng quý . | |
| \* Cách tiến hành  *Bước 1 : Làm việc theo nhóm*   * GV yêu cầu HS quan sát hình và trả lời các câu hỏi trang 48 ( SGK ) .   ( 1 ) Nói tên công việc của những người trong các hình .  ( 2 ) Công việc của họ có đóng góp gì cho cộng đồng ?  ( 3 ) Hãy nói về công việc của những người trong gia đình và công việc của những người xung quanh em .  -GV theo dõi HD HS  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*   * Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp . * GV cùng HS nhận xét , bổ sung câu trả lời .   - GV kết luận : Tất cả mọi công việc đem lại lợi ích cho cộng đồng đều quan trọng và đáng quý . Những người làm bác sĩ , làm công an hay thu gom rác hoặc bán hàng , làm GV hay nhân viên bảo vệ , ... đều là những người hỗ trợ , giúp đỡ cộng đồng nơi chúng ta sống để làm cho cuộc sống của chúng ta được khoẻ mạnh , an toàn , tiện lợi , sạch sẽ , vệ sinh và tốt đẹp hơn .   * Yêu cầu HS đọc lời nói của con ong trang 48 ( SGK ) | - HS quan sát các hình ở trang 48 (SGK)trong SGK và thực tế trả lời các câu hỏi  -Các thành viên quan sát chia sẻ thống nhất trong nhóm.  **-**- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp .  -+ Thầy ( hoặc cô giáo ) của em và những cán bộ công nhân viên trong trường giúp đỡ em trong học tập và các hoạt động khác ở trường ,  + Có ( hoặc chú ) bác sĩ khám và chữa bệnh cho em khi em bị ốm .  + Cô ( hoặc chủ ) công an bắt kẻ trộm và bảo vệ chúng ta .  + Những người bán hàng , bán cho chúng ta những thứ mà chúng ta cần .  + Những người thợ xây , xây nhà cho chúng ta ở .  + Những cô , chú công nhân dọn vệ sinh môi trường giúp cho đường phố luôn sach se .  + Những người nông dân trồng trọt , chăn nuôi cung cấp lương thực cho chúng ta .  -HS đọc |
| **LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**  ***Hoạt động 6 : Việc em có thể làm để đóng góp cho nơi sống của mình***  \* Mục tiêu  Nêu và thực hiện được một số việc HS thể làm để đóng góp cho cộng đồng địa phương | |
| \* Cách tiến hành  *Bước 1 : Làm việc theo cặp*  GV yêu cầu HS quan sát hình trang 49 và trả lời câu hỏi trong SGK : Các bạn trong hình đã làm gì để đóng góp cho cộng đồng ?  -GV theo dõi HD HS  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu HS trình bày kết quả làm việc trước lớp .  - GV cùng HS khác nhận xét , bổ sung câu trả lời .  *Bước 3 : Làm việc cá nhân* .  - GV yêu cầu HS nghĩ ra ba việc em có thể làm để đóng góp cho nơi sống của mình và viết vào “ Bản cam kết ” theo mẫu ( Xem Phụ lục 3 ) .  -GV cùng HS tham gia nhận xét | * HS từng cặp 2 em thảo luận chia sẻ, thống nhất * HS trình bày * HS tham gia nhận xét * HS thực hiện, HS sử dụng bút màu để trang trí bản cam kết của mình * HS đem trưng bày bản cam kết của mình trước lớp . |
| 1. **Củng cố nối tiếp (2 phút)**   Nơi em sống có những gì?  Về nhà xem lại bài, xem trước bài tiếp theo.  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. | - Lắng nghe |

Ngày soạn: 16/11/2020

Ngày dạy: 19/11/2020

Môn: Tự nhiên xã hội

Tiết: 22

**BÀI 7. THỰC HÀNH :**

**QUAN SÁT CUỘC SỐNG XUNG QUANH TRƯỜNG**

**( 3 tiết )**

**I.MỤC TIÊU**

**\*Về nhận thức khoa học:**

- Nhận ra được những địa điểm quen thuộc và các loại toà nhà , đường phố , ... xung quanh trường học .

- Giới thiệu được về hoạt động sinh sống và đi lại của người dân ở quanh trường bằng những hình thức khác nhau ( vẽ , viết , đóng vai , ... ) .

- Nêu được những chuẩn bị cần thiết khi đi quan sát .

**\*Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

-Biết cách quan sát , ghi chép và trình bày kết quả quan sát ,

**\*Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Định vị được mình đang đứng ở chỗ nào hoặc đang đi đến đâu ở cộng đồng xung quanh trường học .

.**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên

- Các Phiếu quan sát ( theo SGK ) .

- Giấy A0 , giấy màu , bút màu , băng keo , kéo .

- VBT Tự nhiên và Xã hội 1

2. Học sinh: Vở BT TNXH

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

**Chuẩn bị khi đi quan sát**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động (3 phút)** |  | |
| - Ổn định:  - Giới thiệu bài: Bài học trước chúng ta đã tìm hiểu về quang cảnh và con người ở nơi em sống . Bài học hôm nay , chúng ta cùng nhau đi quan sát cuộc sống của người dân ở xung quanh trường chúng ta | - Hát  -HS trả lời  ­- Lắng nghe | |
| **2. Các hoạt động cơ bản (30 phút)** |  | |
| **KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI** |  | |
| ***Hoạt động 1 : Tìm hiểu về những việc cần làm trước khi đi quan sát***  \* Mục tiêu  Nêu được những chuẩn bị cần thiết khi đi quan sát .  Biết cách sử dụng Phiếu quan sát . | | |
| *\* Cách tiến hành:* | |  |
| *Bước 1 : Làm việc theo cặp*   * Yêu cầu HS quan sát hình trang 50 và trả lời câu hỏi trong SGK :   + Khi đi quan sát , các bạn trong hình mang theo những gì và trang phục như thế nào ?  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*  - Yêu cầu HS trình bày kết quả làm việc trước lớp .  - GV cùng HS khác nhận xét , bổ sung câu trả lời .  *Bước 3 : Làm việc theo nhóm nhỏ ( 3 – 4 HS )*  - GV HD HS .  - GV nhắc nhở HS không được ai tách khỏi nhóm trong quá trình tham quan  **3. Củng cố, nối tiếp (2 phút)**  - Hôm nay chúng ta đã làm gì?  - Về nhà tập quan sát các cảnh vật mọi thứ xung quanh  - nhận xét, tuyên dương | | -HS quan sát  - HS chia sẻ thống nhất ý kiến, trả lời câu hỏi  -Đại diện trình bày kết quả  - HS nhận xét  -HS đọc phiếu quan sát , trao đổi về cách đánh dấu vào phiếu  -Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người |
|  | |  |

Ngày soạn: 14/11/2020

Ngày dạy: 17/11/2020

Môn: Tập viết

Tiết: 20

**Sau Bài 52,53**

1. **MỤC TIÊU:**

Viết đúng **um, up, uôm, chum, búp bê, buồm, quả muỗm -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**
2. **Giáo viên:** Bảng phụ viết các vần, tiếng cần luyện viết.
3. **Học sinh**: Vở luyện vết
4. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. Khởi động (3 phút)   Ổn định: Hát  **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học   1. **Hoạt động cơ bản (30 phút)** |  |
| **Hoạt động luyện tậ**p   1. Cả lớp đọc: *um, up, uôm, chum, búp bê, buồm, quả muôm.* 2. Tập viết: *um, chum, up, búp bê.*  * 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết, độ cao các con chữ. * GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét, để khoảng cách, vị trí đặt dấu thanh *(búp* bê). * HS viết trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  1. Tập viết: *uôm, buồm, quả muỗm* (như mục b). HS viết các vần, tiếng; hoàn thành phần *Luyện tập thêm.*   **3/Củng cố, nối tiếp (2 phút)**  - Hôm nay chúng ta đã luyện viết những vần và từ gì?  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành  – Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp. | HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết vào vở |

Ngày soạn: 15/11/2020

Ngày dạy: 18/11/2020

Môn: Tiếng việt

Tiết: 97,98

**Bài 54 ươm ươp**

(2 tiết)

1. **MỤC TIÊU**

* Nhận biết vần **ươm,** vàn **ươp;** đánh vần, đọc đủng tiếng có các vần **ươm, ưop.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ươm,** vần **ưop.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Ủ ấm cho bà.*
* Viết đúng các vần **ươm, ươp;** các tiếng **bươm bướm, quả mướp** (trên bảng con).

1. **ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:**
2. **Giáo viên:** 2 bộ đồ chơi để 2 nhóm thi giúp thỏ chuyển cà rốt về kho.
3. **Học sinh:** Bộ đồ dùng thực hành TV
4. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| 1. **Khởi động (3 phút)**   Ổn định: Hát |  |
| **Giới thiệu bài:** vần **ươm, ươp.**   1. **Hoạt động cơ bản (32 phút)** |  |
| **Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)   * 1. Dạy vần **ươm** * HS nhận biết: **ươ - mờ - ươm.** * Phân tích: vần **ươm** gồm âm **ươ** đứng trước, âm **m** đứng sau. * Đánh vần: **ươ - mờ - ươm / ươm.** * HS nói: *bươm bướm / bướm.* Phân tích tiếng **bướm.** * Đánh vần: bờ - ươm - bươm - sắc - bướm / bướm. * Đánh vần, đọc trơn: ươ - mờ - ươm / bờ - ươm - bươm / bờ - ươm - bươm - sắc - bướm / bươm bướm.   1. Dạy vần **ươp** (như vần **ươm)** * HS nhận biết: **ươ - bờ - ươp.** * Phân tích: vần **ươp** gồm âm **ươ** đứng trước, âm **p** đứng sau. * Đánh vần: **ươ - bờ - ươp / ươp.** * HS nói: *mướp .* Phân tích tiếng **mướp** * Đánh vần: mờ- ướp- mướp- sắc - mướp * Đánh vần, đọc trơn   Đánh vần, đọc trơn: ươ - pờ - ươp / mờ - ươp - mươp - sắc - mướp / quả mướp.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **ươm, ươp,** 2 tiếng mới học: **bướm, mướp.** | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS nói  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS thực hiện  -HS nói |
| **Hoạt động 2: Luyện tập** |  |
| **2.1.Mở rộng vốn từ** (BT 2: Giúp thỏ đem cà rốt về hai nhà kho cho đúng)   * GV nêu YC: Giúp thỏ chuyển đúng cà rốt về kho vần **ươm,** kho vần **ươp.** * GV chỉ từng củ cà rốt, HS đọc: *lượm, cườm,...* Giải nghĩa: *cườm* (hạt nhỏ làm bằng thuỷ tinh, đá,... màu sắc đẹp, xâu thành chuồi để làm đồ trang sức). * HS làm bài trong VBT (dùng bút nối từng củ cà rốt về kho). * GV gắn 2 bộ đồ chơi lên bảng lớp, mời 2 HS thi chuyển nhanh cà rốt về kho, nói kết quả. / (Có thể chiếu lên bảng nội dung BT, 1 HS nói kết quả, GV dùng kĩ thuật vi tính chuyển giúp từng củ cà rốt về kho). / Cả lớp nhắc lại: Tiếng **lượm** có vần **ươm...** Tiếng **ướp** có vần **ươp...**   **2.2. Tập .viết** (bảng con - BT 4)   1. Cả lớp nhìn bảng đọc các vần, tiếng vừa học: **ươm, ươp, bướm, mướp.** 2. Viết: **ươm, ươp**   **-** 1 HS đọc, nói cách viết vần **ươm. /** GV viết mẫu, hướng dẫn: Viết **ươ** trước, **m**  sau; các con chừ **ư, ơ, m** đều cao 2 li. / Làm tưong tự với vần **ươp.**   * HS viết bảng con: **ươm, ươp** (2 lần).   c) Viết: **bưóm, mướp** (như mục b)   * GV vừa viết mẫu, vừa hướng dẫn. Chú ý: **bướm - b** cao 5 li, dấu sắc đặt trên **ơ / mướp - m** cao 2 li, **p** 4 li, dấu sắc đặt trên **ơ.** * HS viết bảng con: **bươm bướm,** (quả) **mưóp.** | -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS đọc  -HS tìm, nêu kết quả  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con  -HS viết ở bảng con |
| **Tiết 2 (33 phút)** | |
| **2.3.Tập đọc** (BT 3)   1. GV chỉ hình, giới thiệu bài *ủ ấm cho bà* nói về tình cảm bà cháu. 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **gió mùa, tấm nệm, tướp, ôm bà ngủ, thì thầm, bếp lửa, đỏ đượm.** 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 6 câu. * GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. Đọc liền 2 câu cuối. * Luyện đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu cuối) (cá nhân / từng cặp).  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 3 câu); thi đọc cả bài.   g) Tìm hiếu bài đọc   * HS đọc từ ngữ ở mỗi vế câu. / HS làm bài trên VBT. * 1 HS đọc kết quả (GV dùng phấn / kĩ thuật vi tính nối các ý ưên bảng). / Cả lớp đọc: a - 2) *Mẹ mua cho bà tấm nệm ấm.* / b - 1) *Mi ôm bà ngủ để ủ ấm cho bà.* * GV: Theo em, khi được cháu ôm, ủ ấm, bà cảm thấy thế nào? (Bà cảm động vì cháu ngoan ngoãn, hiếu thảo, biết yêu thương bà). * GV: Em nghĩ gì về bạn Mi? (Bạn Mi rất yêu thương bà. / Mi rất ngoan, giàu tình cảm. / Mi rất ngoan ngoãn, hiếu thảo, nghĩ ra sáng kiến ủ ấm cho bà). | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện làm bài trong vở BT  -HS đọc |
| **3.Củng cố, nối tiếp (2 phút)**  - Hôm nay chúng ta đã học vần gì?  - Nhắc nhở HS về đọc lại bài. Xem trước bài tiếp theo.  - Nhận xét tuyên dương | |

Ngày soạn: 16/11/2020

Ngày dạy: 19/11/2020

Môn: Tiếng việt

Tiết: 99,100

Bài 55 an at

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

* Nhận biết van **an, at;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **an, at.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **an,** vần **at.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Giàn mướp.*
* Viết đúng các vần **an, at;** các tiếng **bàn,** (nhà) **hát** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**
2. **Giáo viên:** Tranhảnh, thẻ từ chứ vần và từ khóa
3. **Học sinh:** Bộ đồ dùng thực hành TV
4. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **Tiết 1** | | |
| 1. **Khởi động (3 phút)**   Ổn định:Hát  Trò chơi: Tìm nhà cho Thỏ | |  |
| **Giới thiệu bài:** vần **an, at.**   1. **Hoạt động cơ bản (32 phút)** | |  |
| **Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)   * 1. Dạy vần **an** * HS đọc: **a, n,** vần **an.** * Phân tích vần **an.** * Đánh vần: **a - nờ - an / an.** * HS nói: *bàn.* * Phân tích tiếng **bàn. /** * Đánh vần: bờ - an - ban - huyền - bàn / bàn. / * Đánh vần, đọc trơn: a - nờ - an / bờ - an - ban - huyền - bàn / bàn.   1. Dạy van **at** (như vần **an)** * HS đọc: **a, t,** vần **at.** * Phân tích vần **at.** * Đánh vần: **a - tờ - at / at.** * HS nói: *hát.* * Phân tích tiếng **hát /**   -Đánh vần, đọc trơn: a - tờ - at / hờ - at - hat - sắc - hát / nhà hát.  \* Củng cổ: HS nói 2 vần mới học: **an, at,** 2 tiếng mới học: **bàn, hát.** | | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS nói  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS thực hiện  -HS nói |
| **Hoạt động 2: Luyện tập** | |  |
| 2.1. Mở rộng vốn từ (BT 2: Tiếng nào có vần an? Tiếng nào có vần at?)  - HS (cá nhân, cả lớp) đọc tên từng sự vật: nhãn, thợ hàn, bát, hạt đỗ,...  - HS làm bài nhóm đôi, tìm tiếng có vần an, vần at. / 2 HS cùng báo cáo kết quả.  - GV chỉ từng chữ, cả lớp: Tiếng nhãn có vần an... Tiếng bát có vần at,...  - HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần an (bán, đan, sàn, trán,...); vần at (cát, mát, ngát, nhạt,...).  2.2. Tập viết (bảng con - BT 4)  a) HS đọc các vần, tiếng vừa học: an, at, bàn, nhà hát.  b) Tập viết vần an, at  - 1 HS đọc, nói cách viết vần an, at.  - GV viết mẫu từng vần, hướng dẫn: vần an: viết a nối sang n, độ cao các chữ đều 2  li. / Vần at: viết a nối sang t, chữ t cao 3 li.  - HS viết bảng con: an, at (2 - 3 lần).  c) Tập viết: bàn, (nhà) hát (như mục b). Chú ý: bàn - chữ b cao 5 li, dấu huyền đặt trên a / hát - chữ h cao 5 li, t cao 3 li, dấu sắc đặt trên a.  - HS viết bảng con: bàn, (nhà) hát.  -GV cùng Hs nhận xét | | .  -HS đọc  -HS làm bài, báo cáo kết quả  -HS lắng nghe  -HS tìm, nêu kết quả  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con  -HS viết ở bảng con |
| **Tiết 2 (33 phút)** | | |
| **2.3. Tập đọc** (BT 3)   1. GV giới thiệu bài Tập đọc viết về giàn mướp nhà bạn Hà. 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **giàn mướp, thơm ngát, lắm hôm, đếm nụ, khe khẽ hát, tụ họp, sớm ra quả.** 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài đọc có 4 câu. GV chỉ chậm từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp). * Đọc tiếp nối từng câu (vài lần). GV hướng dẫn HS nghỉ hơi ở các câu: *Giàn mướp nhà Hà /vừa ra nụ đã thơm ngát. // Có lẽ nhờ thế /mà mùa hè năm đó, /giàn mướp sớm ra quả.*  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mồi đoạn 2 câu); thi đọc cả bài.   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC; cả lớp đọc từng ý. * HS làm bài trong VBT, đánh dấu V vào ô trống xác định ý đúng, ý sai. * 1 HS báo cáo kết quả, GV giúp HS đánh dấu xác định ý đúng / sai trên bảng lớp, chốt đáp án. Cả lớp đọc: Ý a *(Giàn mướp thơm ngát) -* Đúng. / Ý b *(Hà khẽ hát cho giàn mướp nghe) -* Đúng. / Ý c *(Năm đó, giàn mướp chậm ra quả) -* Sai.   \* HS đọc lại 2 trang bài 55, đọc cả 7 vần vừa học trong tuần (chân trang 102) | | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện làm bài trong vở BT  -HS đọc |
| **3.Củng cố, nối tiếp (2 phút)**  Hôm nay chúng ta đã học vần gì?  Về nhà xem lại bài và xem trước bài tiếp theo  Nhận xét, tuyên dương | |  |

Ngày soạn: 16/11/2020

Ngày dạy: 19/11/2020

Môn: Tập viết

Tiết: 21

**Sau bài 54, bài 55**

1. **MỤC TIÊU**

Viết đúng **ươm, ươp, an, at, bươm bướm, quả mướp, bàn, nhà hát -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:**
2. Giáo viên: Bảng phụ có dòng ô li viết vần, tiếng cần viết.
3. Học sinh: Vở luyện viết
4. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. Khởi động (3 phút)   Ổn định: Hát  **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học.   1. **Hoạt động cơ bản (30 phút)** |  |
| Hoạt động luyện tập  a) Cả lớp đọc: ươm, bươm bướm, ươp, quả mướp, an, bàn, at, nhà hát.  b) Tập viết: ươm, bươm bướm, ươp, quả mướp.  - 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết, độ cao các con chữ.  - GV vừa viết mẫu vừa nhắc lại cách viết. Chú ý độ cao các con chữ, cách noi nét, để khoảng cách, vị trí đặt dấu thanh (bướm, mướp).  - HS viết trong vở Luyện viết 1, tập một.  c) Tập viết: un, bàn, at, nhà hát (như mục b). HS hoàn thành phần Luyện tập thêm.  -GV cùng Hs nhận xét | HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết vào vở |
| **3/Củng cố, nối tiếp (2 phút)**  **-** Hôm nay chúng ta đã viết vần và từ nào?  – Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành |  |

Ngày soạn: 17/11/2020

Ngày dạy: 20/11/2020

Môn: Kể chuyện

Tiết: 10

**Bài 56 KỂ CHUYỆN**

SÓI VÀ SÓC

(1 tiết)

1. **MỤC TIÊU**

* Nghe hiểu câu chuyện.
* Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.
* Nhìn tranh, có thể kể từng đoạn của câu chuyện.
* Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Khen ngợi sóc trong lúc nguy hiểm vẫn biết cách thoát khỏi nanh vuốt của sói. Câu chuyện nói một điều: Lòng tốt làm con người vui vẻ; sự độc ác không mang lại hạnh phúc, niềm vui.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Máy chiếu hoặc tranh minh hoạ truyện phóng to.
* Có thể chuẩn bị mũ giấy hình sóc hoặc sói để 3 HS (vai sóc, sói, người dẫn chuyện) kể chuyện phân vai (YC không bắt buộc).

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Khởi động (3 phút)**   Ổn định: Hát  Trò chơi Nhìn hành động đoán con vật  Giới thiệu bài: Kể chuyện Sói và Sóc | |  |
| 1. **Hoạt động cơ bản (30 phút)**   **Hoạt động 1: Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)   * 1. **Quan sát và phỏng đoán:** GV chỉ tranh, giới thiệu câu chuyện *Sói và sóc.* Các em hãy xem tranh, đoán xem sói và sóc đang làm gì?   2. **Giới thiệu câu chuyện:** Một chú sóc đang chuyền cành thì sẩy chân rơi trúng đầu con sói đang nằm dưới gốc cây. Việc gì sẽ xảy ra sau đó, câu chuyện diễn biến thế nào, các em hãy lắng nghe. | | -HS lắng nghe  -Sói bắt sóc. / Sóc thoát khỏi sói  -HS lắng nghe |
| **Hoạt động 2: Khám phá và luyện tập**  **2.1. Nghe kể chuyện: GV** kể chuyện **3 lần** với giọng diễn cảm. | | |
| **Sói và sóc**   1. Một chú sóc đang chuyền trên cành cây bỗng rơi trúng đầu một lão sói đang ngái ngủ. 2. Sói chồm dậy, định chén thịt sóc. Sóc van nài:   **-** Xin hãy thả tôi ra.   1. Sói nói:  * Được, ta sẽ thả. Nhưng ngươi hãy nói cho ta biết: Vì sao bọn sóc các ngươi lúc nào cũng nhảy nhót vui vẻ, còn ta, lúc nào cũng thấy buồn chán?   Sóc đáp:   * Cứ thả tôi ra đã, rồi tôi sẽ nói.  1. Sói thả sóc ra. Sóc nhảy tót lên cây cao rồi nói vọng xuống:  * Anh buồn vì anh độc ác. Sự độc ác thiêu đốt tim gan anh. Còn chúng tôi lúc nào cũng vui vì chúng tôi tốt bụng, không làm điều ác cho ai cả.   Theo LÉP TÔN-XTÔI (Hoàng Nguyễn kể) | | |
| 1. **Trả lời câu hỏi theo tranh** 2. Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  * GV chỉ tranh 1, hỏi: *Điều gì xảy ra khi sóc đang chuyền trên cành cây?* * GV chỉ tranh 2: * *Sói định làm gì sóc? Sóc van nài thế nào?* * GV chỉ tranh 3: *Sói hỏi sóc điều gì? Sóc nói gì?* * GV chỉ tranh 4: *Ở trên cây, sóc trả lời sói thế nào?*  1. Mỗi HS trả lời liền các câu hỏi của GV theo 2 tranh. 2. 1 HS trả lời tất cả các câu hỏi theo 4 tranh. 3. **Kể chuyện theo tranh** (GV không nêu câu hỏi) 4. Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện. 5. 1 - 2 HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo 4 tranh.   \* **Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**   * GV: Em nhận xét gì về sóc? * GV: Câu chuyện giúp các em hiểu điều gì? | * Sóc đang chuyền trên cành cây bồng sẩy chân, rơi trúng đầu lão sói đang nằm dưới gốc cây, ngái ngủ. * Sói định ăn thịt sóc. Sóc van nài xin thả nó ra. * Sói hỏi: Vì sao bọn sóc các ngươi lúc nào cũng nhảy nhót vui vẻ, còn ta, lúc nào cũng thấy buồn chán? Sóc đáp: Cứ thả tôi ra đã, rồi tôi sẽ nói.   - Sóc nói: Anh buồn vì anh độc ác. Sự độc ác thiêu đốt tim gan anh. Còn chúng tôi lúc nào cũng vui vì chúng tôi tốt bụng, không làm điều ác cho ai cả.  -HS theo tranh trả lời câu hỏi  - Hs kể theo tranh  -Sóc rất thông minh, gặp tình huống nguy hiểm vẫn biết cách thoát thận. / Sóc tốt bụng, đáng yêu. / Sóc tốt bụng nên luôn vui vẻ.  - Lòng tốt làm con người vui vẻ, hạnh phúc. Sự độc ác không mang lại niềm vui, hạnh phúc. | |
| **3. Củng cố, nối tiếp (2 phút)**  - GV biểu dương những HS kể chuyện hay. Dặn HS về nhà kể lại cho người thân câu chuyện về chú sóc thông minh.  - Nhắc HS chuẩn bị cho tiết KC Sư tử và chuột nhắt. (Báo cho 3 HS giỏi được chọn kể phân vai câu chuyện Sư tử và chuột nhắt để các em có sự chuẩn bị). Nhận xét tiết học | | |

Ngày soạn: 17/11/2020

Ngày dạy: 20/11/2020

Môn: Tiếng việt

Tiết: 101

**Bài 57. ÔN TẬP** (1 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Tám cổ kẻ trộm.*
* Tìm đúng từ ngữ thích hợp với chỗ trống; chép đúng 1 câu văn.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**
2. **Giáo viên:** Máy chiếu / Giấy khổ to viết nội dung BT 2.
3. **Học sinh:**  **Sách BT TV**
4. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Khởi động (3 phút)**   Ổn định: Hát  Thi đọc nối tiếp các câu trong bài tập đọc **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học.   1. **Hoạt động cơ bản (30 phút)** |  |
| **Hoạt động Luyện tập** |  |
| **2.1. Tập đọc** (BT 1)  a/GV chỉ tranh, giới thiệu bài *Tóm cổ kẻ trộm* kể về chiến công của thám tử gà cồ đã bắt được quạ - kẻ trộm gà.  b/GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: *gà mơ* (gà mái, lông có những chấm trắng); *than* (than thở, phàn nàn, kêu ca); *thám tử* (người làm việc điều tra, do thám).  c/Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp); **kẻ trộm, ghé xóm gà, ngờ ngợ, la om sòm, cuỗm, thám tử gà cồ, tóm cổ, ồ ra.**  d/Luyện đọc câu   * GV: Bài đọc gồm 9 câu. / GV chỉ chậm từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp). Chỉ liền 2 câu: *Sớm ra, gà tía... Có trộm!* * Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).   e/Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn); thi đọc cả bài.  g/ Tìm hiểu bài đọc  -Xác định YC: *Nhắc lại tên các con vật...*  -Từng cặp HS nhìn hình trong SGK, nói tên các con vật. /1 HS nói kết quả.  -Cả lớp nhắc lại: 1) M: gà cồ, 2) quạ, 3) gà tía, 4) gà nhép, 5) gà mơ.   1. **BT 2** (Tìm từ ngữ hợp với chỗ trống rồi chép lại câu b) 2. Tìm từ ngữ để hoàn thành câu  * Xác định YC. * HS làm bài miệng : GV gắn lên bảng phiếu ghi câu văn. /1 HS nói kết quả. * Cả lớp đọc lại: a) Quạ kiếm cớ la cà để *cuỗm/tha* gà nhép, b) Thám tử gà cồ *tóm cổ* quạ. / Cả lớp sửa bài (nếu sai).  1. Tập chép câu b *(Thám tử gà cồ tóm cổ quạ).*  * GV viết mẫu trên bảng câu văn. * Cả lớp đọc câu văn, chú ý các từ dễ viết sai *(thám tử, tóm).* * HS nhìn mẫu trên bảng , chép lại câu văn. * HS viết xong, tự soát lồi; đổi bài cho bạn để cùng sửa lỗi.   GV chữa bài cho HS, nhận xét chung | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS nói tên các con vật  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS nêu miệng  -HS đọc  -HS theo dõi  -HS đọc  -HS tập chép  -HS soát lỗi |
| **3.Củng cố,nối tiếp (3 phút)**  Đọc lại bài Tập đọc  Xem trước bài tiếp theo  Nhận xét, tuyên dương. | |

Ngày soạn: 16/11/2020

Ngày dạy: 19/11/2020

Môn: Toán

Tiết: 32

Bài 25. PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6 (tt)

**I. MỤC TIÊU**

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một sổ tình huống gắn với thực tế.

- Phát triến các NL toán học:NL giải quyết vấn đề, toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

2. Học sinh

- Bộ đồ dùng học Toán

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
|  |  |
| 1. **Khởi động (3 phút)**   Trò chơi: Anh nhanh hơn? |  |
| 1. **Hoạt động cơ bản (30 phút)** |  |
|  |  |
| Hoạt động 2: thực hành, luyện tập  Bài 1  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS cỏ thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính). | Đổi vở, đặt và trả lời câu hỏi để kiểm tra các phép tính đã thực hiện. Chia sẻ trước lớp. |
| **Bài 2.** Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thê dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính). |  |
| Bài 3 |  |
| - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lóp. | - HS quan sát tranh,. Chia sẻ trước lóp. |
| *Ví dụ:* Có 3 miếng bánh. Chú chuột ăn mất 1 miếng bánh. Hỏi còn lại mấy miếng bánh? Phép tính tương ứng là: 3 - 1 = 2. | HS làm tương tự với các trường hợp còn lại. |
| - GV khuyến khích HS tập kể chuyện theo mỗi phép tính để thành một câu chuyện. |  |
| 3.Ứng dụng (vận dụng) thực hành  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6. | -HS trình bày |
| 4.Củng cố, nối tiếp (2 phút)  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? |  |
| - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Nhận xét, tuyên dương |  |

Ngày soạn: 17/11/2020

Ngày dạy: 20/11/2020

Môn: Toán

Tiết: 33

Bài 26 LUYỆN TẬP

**I. MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng làm tính trừ trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học:NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1.Giáo viên

- Các que tính và các chấm tròn.

- Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6.

2. Học sinh: Bộ thực hành Toán,

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. khởi động | HS thực hiện các hoạt động sau: |
|  | + Chơi trò chơi “Truyền điện” ôn tập phép trừ trong phạm vi 6.  + Chia sẻ: Cách trừ của mình; Để có thể tìm nhanh, chính xác kết quả phép tính cần lưu ý điều gì? |
| - GV hướng dẫn HS chơi trò chơi, chia sẻ trước lớp. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em.  - Giới thiệu bài: Luyện tập  2. Hoạt động cơ bản |  |
| Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - Cho HS làm bài 1: |  |
| + Quan sát các thẻ chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài. |  |
| + Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.  + Chọn số thích hợp đặt vào ô ? . | - HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng. |
| -GV chốt lại cách làm, có thể làm mẫu 1 phép tính. Gọi một vài cặp HS chia sẻ cách tính nhẩm cho cả lớp nghe. |  |
| **Bài 2.** Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính). |  |
| ***Lưu ý:*** Ở bài này HS có thể tìm kết quả phép tính bằng nhiều cách khác nhau (có thể nhẩm, có thể dùng thanh chấm tròn, que tính, ngón tay,...), GV nên quan sát cách HS tìm ra kết quả phép tính hơn là chi chú ý đến kết quả của phép tính. |  |
| Bài 3  - Cho HS tự làm bài 3: Thực hiện tính trừ để tìm kết quả rồi chọn ổ có ghi số chỉ kết quả tương ứng. | Thảo luận với bạn về chọn ổ có số chỉ kết quả thích hợp, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp. |
| ***Lưu ý:*** Có thể tổ chức thành trò chơi chọn thẻ “kết quả” để gắn với thẻ “phép tính” tương ứng. |  |
| Bài 4  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lóp. | - HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lóp. |
| *Vi dụ:* a) Trong bến có 6 xe ô tô. Có 3 xe ô tô rời khỏi bến. Còn bao nhiêu xe ô tô đang đậu trong bến? Thực hiện phép trừ 6 - 3 = 3. Còn 3 xe ô tô đang đậu trong bến.  Vậy phép tính thích hợp là 6 - 3 = 3. | HS làm tương tự với trường hợp b). |
| GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày. |  |
| 3. Ứng dụng (vận đụng) thực hành.  - Cho HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6. |  |
| 4. Củng cố, nối tiếp (2 phút)  về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |  |

\

Ngày soạn: 16/11/2020

Ngày dạy: 19/11/2020

Môn: Hoạt động trải nghiệm

Tiết: 32

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ**

**GIỜ HỌC, GIỜ CHƠI**

**I. MỤC TIÊU:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Nhận biết được những việc nên làm vào giờ học, những việc nên làm vào giờ chơi và thực hiện những việc làm đó.

- Có kĩ năng tự điều chỉnh hành vi của bản thân khi tham gia các hoạt động họctập, sinh hoạt hằng ngày một cách khoa học, hợp lí để bảo vệ sức khoẻ**.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Tranh ảnh minh hoạ cho bài học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)** |  |
| - Ổn định: | - Hát |
| - Giới thiệu bài |  |
| **2. Các hoạt động cơ bản. (30 phút)**  **\*Mục tiêu:**  - Nhận biết được những việc nên làm vào giờ học, những việc nên làm vào giờ chơi và thực hiện những việc làm đó.  - Có kĩ năng tự điều chỉnh hành vi của bản thân khi tham gia các hoạt động họctập, sinh hoạt hằng ngày một cách khoa học, hợp lí để bảo vệ sức khoẻ**.** | |
| **Hoạt động 1. Đóng vai** | |
| ***\* Mục tiêu:***HS tham gia vào một tình huống giả định để rèn kĩ năng ứng xử phù hợp trong giờ học, giờ chơi từ đó nhận biết được những việc nên làm vào giờ học và giờ chơi. | |
| ***\* Cách tiến hành:***  - GV nêu yêu cầu: Chia lớp thành các nhóm 4 HS. Mỗi nhóm sẽ quan sát tranh một tình huống và đóng vai thể hiện cách xử lí phù hợp.  - GV tổ chức cho HS quan sát tranh và nêu nội dung tình huống. | - Chia lớp theo nhóm bàn.  - Theo dõi, quan sát |
| *Tình huống 1:* Mẹ mua cho Tú một quả bóng rất đẹp. Tú mang quả bóng đến lớp và say sưa ngắm khi các bạn đang thảo luận nhóm trong giờ học Tự nhiên và Xã hội. Nếu em nhìn thấy Tú ngắm quả bóng trong giờ học, em sẽ ứng xử như thế nào? |  |
| *Tình huống 2:* Nam cùng các bạn đang chơi tung bóng rất vui thì tiếng trống báo hiệu giờ ra chơi kết thúc. Nam rất tiếc nên rủ các bạn chơi thêm một lúc nữa rồi mới vào lớp. Nếu em là bạn của Nam, em sẽ ứng xử như thế nào |  |
| - HS thảo luận tình huống và tham gia đóng vai theo nhóm.  - Cho một số nhóm đóng vai trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét | - Các nhóm thảo luận đưa ra cách giải quyết tình huống, phân vai, chọn lời thoại, đóng vai trong nhóm.  - Lần lượt các nhóm lên đóng vai, xử lí tình huống.  - HS nhận xét nhóm bạn |
| ***\*GV kết luận.***  - Các em cần thực hiện học tập và vui chơi điều độ, đúng giờ và đúng lúc để đảm bảo sức khoẻ và mang lại kết quả học tập tốt hơn. |  |
| **3. Hoạt động luyện tập và vận dụng.** | |
| **Hoạt động 2. Liên hệ và chia sẻ về những việc em nên làm trong giờ học, giờ chơi.**  ***\* Mục tiêu:***  - HS tự liên hệ bản thân, nhận xét và đánh giá về những việc nên làm và không nên làm trong giờ học và giờ chơi, từ đó có kĩ năng tự điều chỉnh hành vi của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập, sinh hoạt hằng ngày một cách khoa học, hợp lí để bảo vệ sức khoẻ. | |
| ***\* Cách tiến hành :***  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi theo các câu hỏi:  + Hằng ngày, em được tham gia những hoạt động học tập và vui chơi nào?  +Em thường làm gì trong giờ học?  + Em tham gia những hoạt động vui chơi nào trong giờ nghỉ?  - Cho HS thảo luận cặp đôi.  - Mời 2 đến 3 cặp HS trình bày trước lớp.  - GV và HS cùng nhận xét | - Lắng nghe để nắm được nội dung thảo luận.  - HS thảo luận cặp đôi.  - 2 đến 3 cặp HS trình bày trước lớp về những việc bản thân đã làm trong giờ học và giờ chơi ở trường và ở nhà.  - Nhận xét nhóm bạn. |
| ***\* Kết luận:***  - Trong giờ học, em cần hăng hái phát biểu, tham gia xây dựng bài; cùng hợp tác với các bạn trong các hoạt động nhóm, giúp đỡ bạn học tập để cùng tiến bộ. Những lúc nghỉ, em nên tham gia các hoạt động ngoài trời để cùng các bạn và người thân rèn luyện sức khoẻ. | - Lắng nghe, ghi nhớ |
| **Hoạt động 3. Trò chơi “Giờ nào, việc nấy”** | |
| ***\* Mục tiêu:***  - HS được trải nghiệm cảm xúc cá nhân khi tham gia trò chơi; diễn tả các hành động, việc làm phù hợp với từng khoảng thời gian nhất định trong ngày | |
| ***\* Cách tiến hành***  - GV cho HS đứng thành vòng tròn, GV đứng giữa làm quản trò.  - GV hướng dẫn cách chơi:  + GV gọi 2 đến 3 HS cùng đứng vào giữa vòng tròn. Khi GV hồ thời gian (ví dụ: 16 giờ sáng, 8 giờ tối), HS làm các động tác tương ứng thể hiện việc mình làm vào thời gian đó. Các HS khác sẽ đoán xem vào thời gian đó, bạn mình đã làm việc gì. GV phỏng vấn nhanh các bạn tham gia trò chơi về thói quen học tập, sinh hoạt hàng ngày của mình. Ví dụ: Sau giờ học, bạn thường làm gì bạn có thích xem ti vi không? Bạn thường xem ti vi vào khoảng thời gian nào?  - Cho HS chơi thử với sự hướng dẫn của GV, sau đó có thể chia thành các nhóm nhỏ và chơi theo nhóm nhỏ: Chia lớp thành 6 đội chơi. 1 bạn làm quản trò, bạn này sẽ nêu các thời gian khác nhau trong ngày, ví dụ: 6 giờ 30 phút sáng, 12 giờ trưa, tất cả thành viên trong các đội phải diễn tả hành động, việc mình sẽ làm vào thời gian đó. | - HS tập hợp thành vòng tròn.  - Lắng nghe và làm theo.  - Chơi thử 1 lần |
| Lưu ý: GV có thể tổ chức cách khác: chia lớp thành các cặp đội chơi, một đội sẽ nêu thời gian, đội kia diễn tả hành động, việc làm tương ứng của mình, sau đó thay đổi ngược lại. Hoặc tổ chức trong lớp học, yêu cầu các HS đứng lên và GV làm quản trò.  - Cho HS chơi trò chơi. | - HS tham gia trò chơi. |
| *\* Kết luận:*  - Mỗi bạn sẽ có những sở thích, thói quen vui chơi, thư giãn khác nhau: phải làm những việc nhà khác nhau. Các em chú ý sắp xếp các hoạt động đó với việc học tập. vào những thời gian phù hợp. | - Lắng nghe. |
| Lưu ý: Tuỳ đối tượng HS và thời gian tổ chức hoạt động mà GV có thể linh. hoạt chọn hoạt động 2 hoặc hoạt động 3 hoặc cả hai hoạt động 2 và 3 để tổ chức cho HS tham gia trải nghiệm. |  |
| **3. Củng cố, nối tiếp: (2 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về những viêc nên làm vào giờ học, vào giờ chơi. | - Lắng nghe |

Ngày soạn: 17/11/2020

Ngày dạy: 20/11/2020

Môn: Hoạt động trải nghiệm

Tiết: 33

**SINH HOẠT LỚP**

**SÁNG TẠO THEO CHỦ ĐỀ “THẦY CÔ CỦA EM”**

**I. MỤC TIÊU:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Hiểu được ý nghĩa của ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11, biết được một số việc làm cụ thể để tỏ lòng biết ơn thầy cô.

- Sáng tạo được một sản phẩm cụ thể như: làm bưu thiếp, vẽ tranh, viết lời hay ý đẹp tặng thầy cô nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11.

- Hình thành niềm đam mê sáng tạo.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Ổn định: Hát**  **2. Các bước sinh hoạt:**  **2.1. Nhận xét trong tuần 11**  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  ***2.2.Phương hướng tuần 12***  - Thực hiện dạy tuần 12, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  ***2.3. Thầy cô của em.***  - GV tổ chức cho HS chia sẻ về các ý tưởng sáng tạo một sản phẩm ý nghĩa để tặng thầy cô theo gợi ý:  +Em sẽ làm món quà gì để tặng thầy cô nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20 -11? +Ý nghĩa của món quà đó là gì?  - GV tổ chức cho HS sử dụng các đồ dùng, vật liệu đã chuẩn bị để làm sản phẩm yêu thích tặng thầy cô.  - Giới thiệu sản phẩm em đã làm với các bạn trong lớp.) | - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  + Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - HS lắng nghe. Chuẩn bị ý tưởng của mình.  - Thực hiện làm sản phẩm của mình.  - HS lên giới thiệu sản phẩm của mình. |